

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 2652/QĐ-UBND

Bến Tre, ngày 26 tháng 12 năm 2014

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc phê duyệt đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/2000  
Khu công nghiệp Phú Thuận, huyện Bình Đại**

SỞ XÂY DỰNG TỈNH BẾN TRE	
ĐẾN	Số: 4379
	Ngày: 31/12
Chuyên:	.....
Lưu hồ sơ số:	.....

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật xây dựng ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 08/2005/NĐ-CP ngày 24 tháng 01 năm 2005 của Chính phủ về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 29/2008/NĐ-CP ngày 14 tháng 3 năm 2008 của Chính phủ quy định về khu công nghiệp, khu chế xuất và khu kinh tế;

Căn cứ Thông tư số 07/2008/TT-BXD, ngày 07 tháng 4 năm 2008 của Bộ Xây dựng về việc hướng dẫn lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 19/2008/TT-BXD ngày 20 tháng 11 năm 2008 của Bộ Xây dựng về việc hướng dẫn thực hiện việc lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch xây dựng khu công nghiệp, khu kinh tế;

Căn cứ Quyết định số 1107/QĐ-TTg ngày 21 ngày 8 tháng 2006 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt quy hoạch phát triển các khu công nghiệp ở Việt Nam đến năm 2015 và định hướng đến năm 2020;

Căn cứ Công văn số 1352/TTg-KTN ngày 10 ngày 8 tháng 2009 của Thủ tướng Chính phủ về việc điều chỉnh, bổ sung quy hoạch các Khu công nghiệp tỉnh Bến Tre;

Xét đề nghị của giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 1740/TTr-SXD ngày 22/12/2014 và Báo cáo số 1739/BC-SXD ngày 22/12/2014,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/2000 Khu công nghiệp Phú Thuận, huyện Bình Đại với những nội dung chính sau:

1. Tên đồ án: Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/2000 Khu công nghiệp Phú Thuận, huyện Bình Đại.

2. Địa điểm quy hoạch: xã Phú Thuận và xã Long Định, huyện Bình Đại.

3. Quy mô diện tích: 231,78 ha.

4. Tỷ lệ: 1/2000.

5. Chủ đầu tư: Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh Bến Tre.

6. Đơn vị tư vấn lập quy hoạch: Công ty trách nhiệm hữu hạn Kiến trúc Alpha.

7. Phạm vi và ranh giới quy hoạch: ranh giới lập quy hoạch có các mặt giáp giới như sau:

- Phía Bắc giáp sông Cửa Đại;
- Phía Nam giáp Đường tỉnh 883 (ĐT.883);
- Phía Đông cách đường vào xã Phú Thuận khoảng 150 m;
- Phía Tây cách đường Long Hòa 2 khoảng 150 m.

8. Tính chất Khu công nghiệp (KCN): được định hướng là KCN tập trung, đa ngành với các ngành công nghiệp sạch, ít ô nhiễm môi trường và có tính chất công nghệ cao. KCN Phú Thuận gồm những nhóm ngành chính sau:

- Công nghiệp dệt may, giày da;
- Công nghiệp chế biến nông, thủy sản;
- Công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng.

9. Quy hoạch sử dụng đất đai

9.1. Cơ cấu sử dụng đất: cơ cấu sử dụng đất đai trong KCN như sau:

Stt	Loại đất	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)
<b>I</b>	<b>Đất trung tâm điều hành</b>	<b>3.90</b>	1.68
<b>II</b>	<b>Đất xây dựng nhà máy xí nghiệp</b>	<b>167.86</b>	72.42
1	Nhóm ngành chế biến nông, thủy sản	85.66	
2	Nhóm ngành sản xuất dệt may, giày da	49.56	
3	Nhóm ngành sản xuất hàng tiêu dùng	32.64	
<b>III</b>	<b>Đất kho tàng bến bãi</b>	<b>4.68</b>	2.02
<b>IV</b>	<b>Đất xây dựng khu hạ tầng kỹ thuật</b>	<b>5.54</b>	2.39
1	Trạm xử lý nước cấp và trạm bơm bể chứa	1.93	
2	Trạm xử lý nước thải	1.98	
3	Trạm trung chuyển chất thải rắn	1.63	
<b>V</b>	<b>Đất cây xanh</b>	<b>25.35</b>	10.94
<b>VI</b>	<b>Đất giao thông</b>	<b>24.45</b>	10.55
<b>Tổng diện tích</b>		<b>231.78</b>	<b>100</b>

9.2. Phân khu chức năng

a) Khu trung tâm điều hành và dịch vụ công cộng (Ký hiệu TT) có diện tích 3,9 ha, chiếm tỷ lệ 1,68% tổng diện tích, mật độ xây dựng tối đa 50% với chiều cao 30 m và được dự kiến xây dựng cho các khu chức năng gồm:

- Khu liên cơ quản lý điều hành, trưng bày giới thiệu sản phẩm;
- Khu nhà văn phòng cho thuê, ngân hàng, bưu điện thương mại;
- Khu nhà ăn công nghiệp; trạm y tế; đội phòng cháy chữa cháy 2 xe; trạm bus;

- Và một số hạng mục phụ trợ khác.

b) Khu đất xây dựng các nhà máy, xí nghiệp công nghiệp có diện tích 167,86 ha chiếm 72,42% tổng diện tích, được quy hoạch thành 3 nhóm ngành, bao gồm:

- Nhóm ngành nghề chế biến nông - thủy sản (Ký hiệu A), diện tích 85,66 ha, bố trí ở khu vực trung tâm của KCN;

- Nhóm ngành sản xuất dệt may, giày da (Ký hiệu B), diện tích 49,56 ha, được bố trí phía Đông và phía Tây của KCN;

- Nhóm ngành sản xuất hàng tiêu dùng (Ký hiệu C), diện tích 32,64 ha.

c) Đất cây xanh có tổng diện tích 25,35 ha, chiếm tỷ lệ 10,94% tổng diện tích, bao gồm:

- Cây xanh công cộng có diện tích 9,65 ha, bố trí dọc theo các trục đường giao thông KCN;

- Cây xanh chuyên dụng có diện tích 15,7 ha, có tính chất cây xanh cách ly KCN với khu dân cư lân cận, bố trí ở phía Đông và phía Tây KCN.

d) Đất kỹ thuật được chia làm 3 khu (Ký hiệu KT-T, KT-R, KT-C) có tổng diện tích 5,54 ha, chiếm tỷ lệ 2,39% tổng diện tích, mật độ xây dựng 40 - 50%, bao gồm:

- Khu 1: trạm xử lý nước thải (Ký hiệu KT-T) có diện tích 1,98 ha, nằm phía Tây - Bắc KCN;

- Khu 2: trạm trung chuyển chất thải rắn (Ký hiệu KT-R) có diện tích 1,63 ha, nằm cạnh trạm xử lý nước thải tiếp giáp với đường ĐH.07;

- Khu 3: trạm xử lý nước cấp và trạm bơm bể chứa (ký hiệu KT-C) có diện tích 1,93 ha, nằm tại phía Tây - Nam KCN. Trạm cấp nước vừa là trạm bơm tăng áp nhận nguồn nước sạch của tỉnh và là trạm xử lý nước dự phòng cung cấp nước cho KCN.

đ) Đất kho tàng bến bãi (Ký hiệu KB) có diện tích 4,68 ha, chiếm 2,02% tổng diện tích, bố trí dọc sông Cửa Đại.

e) Giao thông có diện tích 24,45 ha, chiếm 10,55% tổng diện tích, bao gồm:

- Trục giao thông Bắc - Nam và Đông - Tây, lộ giới 34 m, là trục chính kết nối với ĐT.883 và ĐH.07 và tiếp cận với các khu vực phía Đông và phía Tây của KCN;

- Đường khu vực, lộ giới 28 m, có chức năng tiếp cận các lô đất;

- Đường nội bộ, lộ giới 22 m, là đường giao thông tiếp cận vào KCN từ ĐT.883.

10. Quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật

10.1. Quy hoạch san nền, thoát nước mưa

a) Quy hoạch san nền

- Cao độ thiết kế san nền thấp nhất là +2,3 m;

- Diện tích san lấp khoảng 231,78 ha;

- Khối lượng san lấp khoảng 2,97 triệu m<sup>3</sup>.

b) Quy hoạch thoát nước mưa

- Sử dụng hệ thống thoát nước mưa độc lập với hệ thống thoát nước thải;

- Nguồn tiếp nhận: sông Cửa Đại;

- Sử dụng mạng lưới cống thoát nước bê tông ly tâm có đường kính D800 – D2000;

- Độ dốc cống:  $I_{\min} = 1/D$ ;

- Tổng chiều dài đường cống khoảng 15,72 km.

#### 10.2. Quy hoạch cấp nước

- Nhu cầu dùng nước cho toàn KCN:  $Q_c \approx 4.950 \text{ m}^3/\text{ngđ}$ ;

- Nguồn nước: sử dụng nguồn nước cấp từ nhà máy nước của tỉnh;

- Mạng lưới đường ống cấp nước: sử dụng ống cấp nước chuyên ngành HDPE đường kính D100 – D350 bố trí dọc theo các đường giao thông tạo thành mạng vòng, đảm bảo cấp nước liên tục cho toàn KCN. Tổng chiều dài đường ống khoảng 11,71 km.

#### 10.3. Quy hoạch hệ thống xử lý và thoát nước thải

- Lưu lượng nước thải của KCN là  $Q_{\text{thải}} = 4500 \text{ m}^3/\text{ngđ}$ ; trạm xử lý nước thải với công suất  $Q \approx 4500 \text{ m}^3/\text{ngđ}$ ; nước thải sau khi xử lý đạt tiêu chuẩn theo quy định thoát ra sông Cửa Đại;

- Mạng lưới đường ống thoát nước thải: sử dụng cống thoát nước bằng nhựa UPVC đường kính D300 - D500 bố trí dọc theo 2 bên vỉa hè đường giao thông. Tổng chiều dài đường cống khoảng 11,25 km.

#### 10.4. Quy hoạch giao thông

- Tổng diện tích giao thông khoảng 24,45 ha;

- Tổng chiều dài mạng lưới đường khoảng 9,3 km;

- Mạng lưới đường theo bảng thống kê sau:

Stt	Tên đường	Ký hiệu mặt cắt	Lộ giới	Chiều dài tính toán	Chiều rộng mặt cắt		
					Lề trái	Lòng đường	Lề phải
			(m)	(m)	(m)	(m)	(m)
1	Đường Đ1	2-2	28	1.343	3	12	3
2	Đường Đ2	1-1	34	1.643	3	18	3
3	Đường Đ3	2-2	28	1.578	3	12	3
4	Đường N1	3-3	22	912	6	8	3
5	Đường N2	1-1	34	960	3	18	3
6	Đường N3	1-1	34	1.418	3	18	3
7	Đường N4	4-4	76	1.448	3 - 6	8 - 32 - 8	6 - 3

#### 10.5. Quy hoạch cấp điện

- Tổng công suất:  $S = 34.331 \text{ KVA}$ .

- Nguồn điện cấp cho khu công nghiệp được đấu nối vào lưới điện 22kV từ trạm 110kV/22kV Bình Thới.

- Hệ thống mạng cấp điện:

+ Mạng đường dây 22kV: xây dựng 3 tuyến đường dây 22kV để cấp điện cho toàn khu công nghiệp; tổng chiều dài đường dây 22kV khoảng 7,04km;

+ Trạm biến áp 22kV/0,4kV: các trạm biến áp của các nhà máy được nối trực tiếp vào đường dây qua cầu dao cách ly lắp tại cột điểm đấu. Ngoài ra,

xây dựng 5 trạm biến áp 22kV/0,4 kV để cấp điện cho các hạng mục công cộng như: trung tâm điều hành, các khu kỹ thuật và chiếu sáng đường giao thông; tổng chiều dài đường dây 0,4kV khoảng 9,93 km.

#### 10.6. Quy hoạch hệ thống thông tin liên lạc

- Nguồn cấp từ trạm viễn thông Bình Đại;
- Công trình dự kiến bố trí trong khu trung tâm điều hành và dịch vụ công cộng. Mạng lưới hệ thống dự kiến xây dựng đường ống UPVC chôn luồn cáp đặt theo vỉa hè các trục đường và các giếng cáp.

10.7. Thu gom chất thải rắn: chất thải rắn ở các nhà máy, xí nghiệp sẽ được phân loại tại nhà máy, sau đó được chuyển đến điểm trung chuyển chất thải rắn và vận chuyển đến khu xử lý tập trung theo định hướng quy hoạch chất thải rắn của tỉnh.

#### 11. Đánh giá môi trường chiến lược

##### 11.1. Đánh giá hiện trạng và dự báo tác động

###### a) Trong quá trình xây dựng KCN

- Tác động tới môi trường không khí:
  - + Bụi: nguồn gốc xuất phát bụi từ các hoạt động san ủi, đổ đất cát, đá sỏi, xi măng, vật liệu xây dựng đến công trường. Thành phần chủ yếu là bụi đất, đá, cát và xi măng rơi vãi, không có loại bụi nào tác động độc hại nguy hiểm đến con người.

- + Khí thải: khí thải thoát ra từ những phương tiện thi công chuyên chở. Thành phần của khí thải gồm: Bụi, CO, CO<sub>2</sub>, NO<sub>x</sub>, hơi xăng... Sự ô nhiễm khí thải của các phương tiện vận tải kéo dài suốt thời gian triển khai xây dựng.

- + Tiếng ồn: tiếng ồn do hoạt động của động cơ xe chở tập kết nguyên liệu, xe máy thi công, tập trung chủ yếu tại các khu vực đào đắp, đóng cọc, máy trộn bê tông... Nguồn ô nhiễm này có thể gây ra các ảnh hưởng xấu đến môi trường và sức khỏe của các công nhân đang lao động trực tiếp trên công trường.

- Tác động tới môi trường nước:

- + Nước mưa chảy tràn: với diện tích bề mặt tương đối lớn, lượng nước mưa chảy trên công trường sẽ cuốn theo các chất ô nhiễm như dầu mỡ, các chất hữu cơ, phân và nước tiểu... Tuy hàm lượng thấp do được pha loãng nhưng với khối lượng rất lớn sẽ gây ảnh hưởng ô nhiễm nhẹ đến chất lượng nước mặt xung quanh KCN.

- + Nước thải sinh hoạt: trong quá trình xây dựng, lượng công nhân có mặt trên công trường tương đối lớn, với nhu cầu nước bình quân 60 lít/người/ngày, sẽ có một khối lượng nước thải lớn.

- Tác động đến môi trường đất: môi trường đất sẽ bị ảnh hưởng nhẹ về chất lượng do các chất thải trong quá trình xây dựng gây ra.

- Tác động do chất thải rắn: chất thải rắn trong xây dựng là các chất thải của vật liệu thừa, hoặc rơi vãi, vỏ, bao gói chứa vật liệu,...khó phân hủy, có thể thu gom và sử dụng lại. Chất thải rắn còn phát sinh trong quá trình sinh hoạt của lực lượng lao động trên công trường gồm: bao gói, ni lông, vỏ chai nhựa, đồ hộp. Tuy lượng không nhiều nhưng loại rác này bị phân tán trên diện

rộng của công trường và chất thải như: phân, nước tiểu không được thu gom sẽ phát sinh mùi hôi thối, ảnh hưởng đến sức khỏe của công nhân và môi trường không khí xung quanh.

b) Trong quá trình hoạt động của KCN

- Tác động tới môi trường không khí:

+ Bụi: bụi phát sinh do quá trình vận chuyển nguyên vật liệu, sản phẩm và trong quá trình sản xuất của các nhà máy, xí nghiệp.

+ Khí thải: nguồn khí thải phát sinh từ các phân xưởng sản xuất có thể là CO, SO<sub>2</sub>, NO<sub>x</sub>... Nếu hàm lượng vượt quá tiêu chuẩn cho phép sẽ gây ảnh hưởng tiêu cực đến sức khỏe con người.

+ Tiếng ồn: tiếng ồn trong các nhà máy, xí nghiệp được đánh giá theo tiêu chuẩn TCVN 3985-1999. Tiếng ồn chung tối đa cho phép trong suốt ca lao động 8 giờ không được quá 85dB(A).

- Tác động tới môi trường nước:

+ Nước mưa chảy tràn: nước mưa sẽ được thu gom trong từng nhà máy, xí nghiệp bằng các hồ thu nước mưa rồi thoát vào mạng lưới thoát nước mưa của KCN. Lượng nước mưa này chỉ chứa một lượng nhỏ các cặn lơ lửng và không có tác động đáng kể nào tới nguồn nước mặt của khu vực.

+ Nước thải sản xuất và sinh hoạt, nước thải của các nhà máy xí nghiệp trong khu công nghiệp có nồng độ, thành phần các chất ô nhiễm khác nhau và phải được xử lý cục bộ đạt giá trị giới hạn cột C theo QCVN 24:2008 trước khi xả vào mạng lưới thoát nước thải của KCN. Sau đó toàn bộ lượng nước thải sản xuất và sinh hoạt sẽ được xử lý tập trung tại trạm xử lý nước thải.

- Tác động do chất thải rắn: chất thải rắn phát sinh trong quá trình sản xuất bao gồm các mảnh vụn nguyên liệu, vỏ bao gói thành phẩm và chất thải từ sinh hoạt của công nhân.

11.2. Giải pháp tổng thể giải quyết các vấn đề môi trường

a) Giám sát chất lượng không khí

- Các thông số giám sát: bụi tổng cộng, bụi lơ lửng; tiếng ồn; khí CO, SO<sub>2</sub>, NO<sub>x</sub>, H<sub>2</sub>S; hơi kiềm, hơi hữu cơ.

- Tần suất giám sát: giám sát định kỳ 1 tháng /lần, nhưng có thể kiểm tra bất thường nếu thấy có nghi vấn về khả năng hàm lượng các thông số trên tăng cao.

- Vị trí giám sát: tất cả các nhà máy, xí nghiệp hoạt động trong KCN, cuối hướng gió từ 150 ÷ 200m (theo mùa).

b) Giám sát chất lượng nước: nước thải từ các nhà máy, xí nghiệp được giám sát nhằm đảm bảo chất lượng nước đầu vào trạm xử lý nước thải tập trung cũng như nước thải trước khi thải ra môi trường bên ngoài.

- Thông số giám sát: độ pH, nhiệt độ, dầu mỡ, SS, COD, BOD<sub>5</sub>, vi khuẩn gây bệnh, hàm lượng các kim loại nặng, thành phần của các nguyên liệu và phụ gia.

- Tần suất giám sát: 3 tháng 1 lần và đột xuất có khiếu nại của nhân dân;

- Vị trí giám sát: tại vị trí xả nước thải của các nhà máy, xí nghiệp vào mạng lưới thoát nước thải của KCN.

**Điều 2.** Giao Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh Bến Tre phối hợp với Ủy ban nhân dân huyện Bình Đại hoàn chỉnh hồ sơ, tổ chức công bố, triển khai cắm mốc giới xây dựng ngoài thực địa để các đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan biết thực hiện và giám sát thực hiện.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; giám đốc các sở: Xây dựng, Công thương, Tài nguyên và Môi trường, Giao thông Vận tải, Thông tin Truyền thông; trưởng Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh Bến Tre; chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Bình Đại và thủ trưởng các đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

**Nơi nhận:**

- Như điều 3;
- CT, các PCT - UBND tỉnh;
- Các Phòng: TCĐT, KTN, TH;
- Lưu VT.



**Võ Thành Hạo**